

BÀI 6: TÌNH YÊU TỔ QUỐC
(Thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt đường luật)
Thời gian thực hiện: 14 tiết

TUẦN:

Ngày soạn: / ... / 202...

Ngày dạy: / ... / 202...

Tiết.... : TRI THỨC NGŨ VĂN
VĂN BẢN 1: NAM QUỐC SƠN HÀ

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

1. Kiến thức

- Khái niệm thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

2.2. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết và phân tích được yếu tố thi luật của bài thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường như: bố cục, niêm luật, vần, nhịp, đối.
- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

3. Phẩm chất

- Yêu quê hương đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị:

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

2. Học liệu:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà thơ, hình ảnh;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức trò chơi: NHÌN TRANH ĐOÁN TÊN NHÂN VẬT LỊCH SỬ.

Có 4 bức ảnh liên quan đến 4 nhân vật lịch sử. HS nhìn tranh và đoán tên sự kiện lịch sử liên quan. Đoán đúng sẽ được điểm thưởng từ giáo viên.

=> Những nhân vật lịch sử với những chiến công hiển hách của họ đã gọi cho em cảm xúc, suy nghĩ gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát, gợi mở

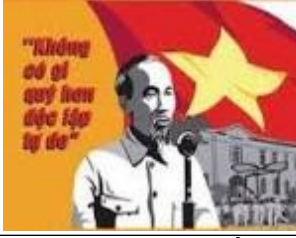
- HS quan sát, suy nghĩ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Yêu cầu HS trả lời theo yêu cầu.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dự kiến sản phẩm:

			
1. Ngô Quyền	2. Trần Quốc Toản	3. Chị Võ Thị Sáu	4. Chủ tịch Hồ Chí Minh

GV kết nối, dẫn vào bài mới: *Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng và có truyền thống yêu nước. Tình yêu tổ quốc của nhân dân ta được thể hiện qua các thời kỳ đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước. Tình yêu ấy cũng được thể hiện qua các áng văn thơ bất hủ. Trong bài này các em sẽ được học các bài thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường về tình yêu tổ quốc của cha ông để tự hào về truyền thống của dân tộc và hiểu về đẹp của hai thể thơ này.*

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1: Giới thiệu tri thức đọc hiểu

a. Mục tiêu: - Kích hoạt kiến thức về yếu tố thi luật của thể loại thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường như: bố cục, niêm luật, vần, nhịp, đối.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD CỦA GV VÀ HS		DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) (1)- GV giao các câu hỏi chuẩn bị bài trước ở nhà cho các nhóm theo phiếu học tập sau:		A. Tri thức đọc hiểu - Thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường là các thể thơ làm theo những nguyên tắc thi luật chặt chẽ được đặt ra từ thời Đường. Thơ thất ngôn bát cú : Mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ. Thơ thất ngôn tứ tuyệt : mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ. - Bố cục của một bài thơ thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt thường được chia 4 phần: Đề, Thực, Luận Kết. - Luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ thất ngôn tứ tuyệt thường
Nhóm 1	Câu 1. Hãy nêu khái niệm thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường.	
Nhóm 2	Câu 2. Em hiểu thế nào về bố cục của bài thơ ?Hãy nêu bố cục thường gặp của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường.	
Nhóm 3	Câu 3. Luật thơ là gì? Hãy chỉ ra luật bằng trắc trong thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường.	
Nhóm 4	Câu 4. Hãy chỉ ra niêm, vần, nhịp	

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<i>và đối trong thơ luật Đường.</i> (2) GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong trò chơi “Vòng quay may mắn” để củng cố hệ thống tri thức đọc hiểu. <i>Câu 1: Đây là một thể thơ luật Đường, trong bài thơ có tám câu, mỗi câu có bảy chữ.</i> A. Ngũ Ngôn B. Bảy chữ C. Lục bát D. Thất ngôn bát cú <i>Câu 2: Bố cục của một bài thơ thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt thường được chia thành:</i> A. Thực – Đề - Luận -Kết B. Đề – Thực - Luận -Kết C. Hai đáp án trên đều sai. D. Hai đáp án trên đều đúng. <i>Câu 3: Nhận xét nào <u>không đúng</u> luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ thất ngôn tứ tuyệt:</i> A. Nhất-tam ngũ bất luận B. Nhị- tứ-lục phân minh. C. Tiếng thứ nhất, tiếng thứ ba, tiếng thứ năm cần sắp xếp theo luật bằng trắc. D. Tiếng thứ hai, tiếng thứ tư, tiếng thứ sáu cần sắp xếp theo luật bằng trắc rõ ràng. <i>Câu 4: Thơ thất ngôn thường ngắt nhịp như thế nào ?</i> A. Nhịp 2/4/1 B. Nhịp 2/1/4 C. Nhịp 2/2/3 D. Tất cả các đáp án trên đều đúng. <i>Câu 5: Em hiểu thế nào là nguyên tắc đối trong thơ luật Đường?</i> A. Cách cách đặt câu sòng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau. B. Cách cách đặt câu sòng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy phải đối lập với nhau. C. Cách cách đặt câu gần nhau sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau. D. Cách cách đặt câu gần nhau sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Nhiệm vụ 1: Hs trình bày theo nhóm. Nhiệm vụ 2: Hs trả lời cá nhân. - GV theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ HS (Nếu cần) Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét, bổ sung.	được tóm tắt bằng câu: “ Nhất -tam ngũ bất luận, nhị- tứ -lục phân minh.” -Vần: Cách gieo vần của thơ luật Đường cả bài chỉ hiệp theo một vần, vần được sử dụng là vần bằng. - Nhịp: cách ngắt nhịp của câu thơ thường là 2/2/3 hoặc 4/3 đối với thơ thất ngôn và 2/3 đối với thơ ngũ ngôn. - Đối: cách đặt câu sòng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau.

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời (trong quá trình hướng dẫn HS chốt đáp án trong trò chơi, giáo viên cần giải thích cho học sinh về thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật, các yếu tố cần tìm hiểu khi học về thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật) và chốt kiến thức.	

2. Hoạt động đọc văn bản: Nam quốc sơn hà

2.1 Chuẩn bị đọc

a. Mục tiêu:

- Kích hoạt kiến thức nền liên quan đến văn bản, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của văn bản
- Bước đầu dự đoán được nội dung của văn bản

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Em có hiểu biết gì về truyền thống yêu nước của nhân dân ta?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi của GV.
- GV quan sát

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày ý kiến cá nhân
- GV gọi hs khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

Dẫn dắt vào bài: Từ ngàn xưa, dân tộc Việt Nam ta đã đứng lên chống giặc ngoại xâm rất oanh liệt. Tự hào thay! Ông cha ta đã đưa đất nước sang một trang lịch sử mới. Đó là thoát khỏi ách đô hộ ngàn năm của phong kiến phương Bắc, kỷ nguyên mới đã mở ra. Vì thế bài thơ “Nam quốc sơn hà” ra đời được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên, khẳng định một quốc gia độc lập chủ quyền. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn về nội dung bản tuyên ngôn này.

2.2 Trải nghiệm cùng VB

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) + GV hướng dẫn cách đọc + Gv hướng dẫn học sinh chú ý câu hỏi trong hộp chỉ dẫn Suy luận: Em hiểu như thế nào là thiên thư? - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Hs làm việc cá nhân - GV quan sát	B. Trải nghiệm cùng văn bản I. Đọc - Hs chú ý nhịp, đọc diễn cảm - Lưu ý dừng đọc đúng thời điểm để trả lời các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn. Suy luận: “Thiên thư” tức là sách trời là nói đến thuyết “Nhị thập bát tú” của một số quốc gia Á châu cổ đại, đặc biệt là Trung Hoa. “Nhị thập bát tú” là

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức	cách gọi của 28 chòm sao nằm trên bầu trời theo cách chia trong thiên văn học cổ đại. Hay còn có cách hiểu khác là sách trời, là bờ cõi được

Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi

a. Mục tiêu:

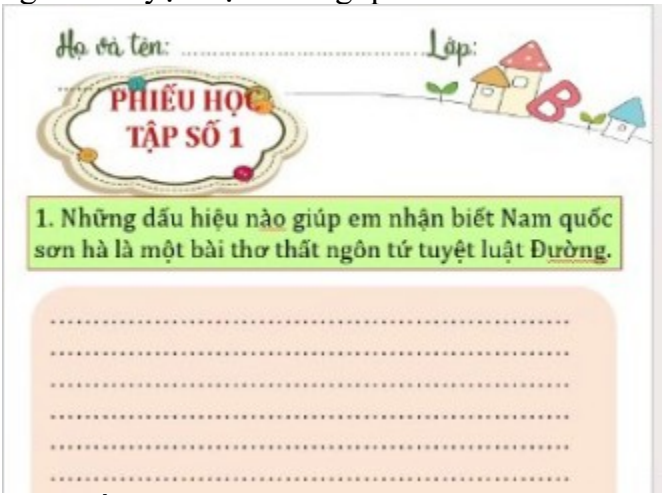
- Nhận biết một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, đối.
- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

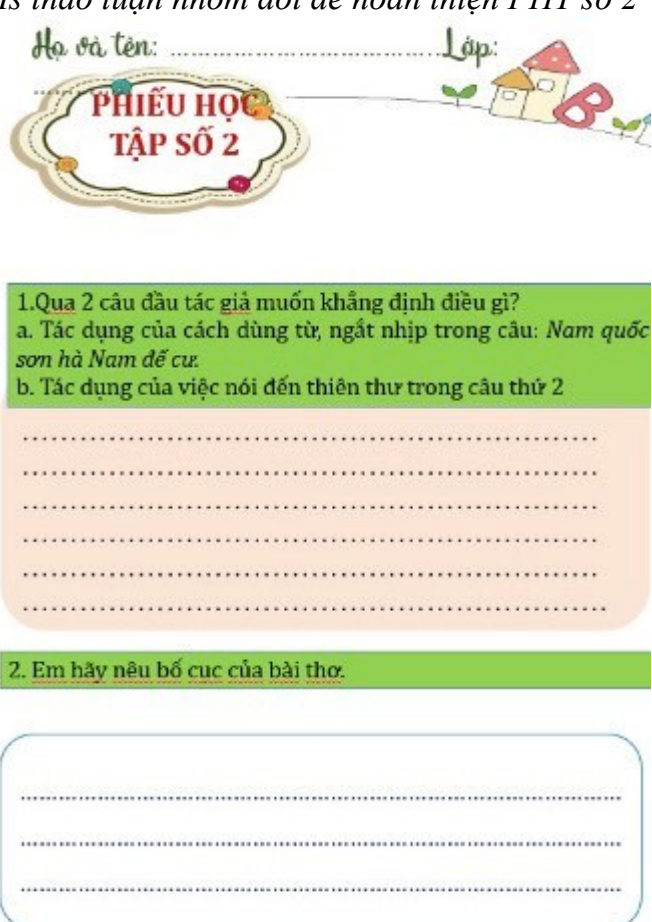
d. Tổ chức thực hiện:

NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường.

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1. Hs làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi: + Bài thơ Nam quốc sơn hà được viết theo thể thơ nào? 2. Hs thảo luận nhóm 4-6 em để hoàn thành PHT số 1: Tìm hiểu dấu hiệu nhận biết thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường qua bài thơ. 	II. Suy ngẫm và phản hồi 1. Tìm hiểu về một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường qua bài thơ - Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt luật Đường. - Dấu hiệu nhận biết: + số câu: 4 + Số chữ trong 1 câu: 7 + Niêm: chữ thứ 2 trong câu một là “trắc” niêm với chữ thứ 2 của câu 4 cũng là “trắc”, chữ thứ 2 của câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ 2 của câu 3 cũng là “bằng”. + Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1, 2 và 4 (cư, thư, hư). + Đối: Thơ tứ tuyệt không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú. + Kết luận: bài thơ tuân thủ quy định về luật, niêm, đối, vần của một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật trắc, vần bằng theo luật Đường.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu bạn, hoàn thành các PHT - Gv quan sát, cố vấn Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận	

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	

NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) <i>Hs thảo luận nhóm đôi để hoàn thiện PHT số 2</i>  1. Qua 2 câu đầu tác giả muốn khẳng định điều gì? a. Tác dụng của cách dùng từ, ngắt nhịp trong câu: <i>Nam quốc sơn hà Nam đế cư</i>. b. Tác dụng của việc nói đến thiên thư trong câu thứ 2 2. Em hãy nêu bố cục của bài thơ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và hoàn thành PHT số 2 - Gv quan sát, cố vấn Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	2. Tìm hiểu nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục - 2 câu đầu giới thiệu vấn đề chủ quyền và khẳng định tất yếu không hề thay đổi của chủ quyền đất nước. Tác giả dùng từ “Nam quốc”, “Nam đế” để khẳng định dân của quốc gia của bậc đế vương có chủ quyền trên lãnh thổ của mình. - Ngắt nhịp: Câu đầu có thể ngắt nhịp 4/3 hoặc 2/2/3. Cách ngắt nhịp trong câu theo nhịp 4/3: <i>Nam quốc sơn hà / Nam đế cư</i> hoặc <i>Nam quốc / sơn hà / Nam đế cư</i> tỏ rõ hai vấn đề quan trọng nhất là sông núi nước Nam và vua nước Nam đi liền với nhau ngay trong câu mở đầu của bài thơ. Đây là cách ngắt nhịp tiêu biểu của thơ thất ngôn tứ tuyệt luật đường tạo âm điệu chậm rãi, trang nghiêm. - Việc nói đến “thiên thư” sách trời trong câu thơ thứ hai cho thấy tính pháp lý của chủ quyền: chủ quyền đã được ghi rõ quy định rõ bằng văn bản của nhà trời, không phải chuyện người thường muốn thay đổi được và cũng không thể thay đổi được bằng hành vi xâm lược. - Bố cục: + Câu 1- 2: giới thiệu vấn đề chủ quyền và khẳng định tính tất yếu không thể thay đổi có chủ quyền đất nước. + Câu 3 - 4: cảnh cáo việc quân giặc sang xâm lược và khẳng định kết cục không tốt đẹp của chúng khi xâm lược lãnh thổ nước Nam.

NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	3. Tìm hiểu tình cảm, cảm xúc, cảm

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
GV chia lớp thành 4 nhóm lên bốc thăm thảo luận 4 câu hỏi sau: - Ở hai câu cuối, tác giả nói về điều gì nói với ai và bằng thái độ tình cảm như thế nào? - Nêu chủ đề và cảm hứng của bài thơ. - Nam quốc sơn hà được xem là một “bản tuyên ngôn độc lập” bằng thơ trong văn học Việt Nam và còn được gọi là bài thơ “thần”. Hãy phát biểu ý kiến của em về điều này. - Nêu một số dẫn chứng lấy từ lịch sử hoặc từ văn chương cho thấy tinh thần và ý chí độc lập chủ quyền trở thành một truyền thống vẻ vang của dân tộc. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận và hoàn thành PHT số 2 - Gv quan sát, cổ vũ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản - Chủ đề: Khẳng định chủ quyền về lãnh thổ gồ đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. - Cảm hứng chủ đạo của bài thơ: là tình cảm yêu nước mãnh liệt lòng tự tôn dân tộc sâu sắc và ý thức về chủ quyền của dân tộc.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;
- Khái quát lại một số đặc điểm thơ thất ngôn bát cú qua bài thơ “Nam quốc sơn hà”

b. Nội dung: Giáo viên nêu câu hỏi, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói.

d. Tổ chức thực hiện:

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV chuyển giao nhiệm vụ + Gv tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ. Luật chơi: Hs xung phong bốc thăm các câu hỏi và trả lời nhanh. Với mỗi câu trả lời đúng của Hs, Gv có phần thưởng khích lệ. Nếu Hs trả lời sai, Hs khác có quyền tiếp tục trả lời. GV chuẩn bị đồng hồ đếm ngược 30 giây. Các câu hỏi Nêu một số dấu hiệu nhận biết của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường: số câu, số chữ, bố cục, luật bằng trắc, gieo vần, ngắt nhịp, niêm, đối. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo, thảo luận	III. Khái quát đặc điểm thể loại - Thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường là các thể thơ làm theo những nguyên tắc thi luật chặt chẽ được đặt ra từ thời Đường. Thơ thất ngôn bát cú: Mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ. Thơ thất ngôn tứ tuyệt: mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ. - Bố cục của một bài thơ thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt thường được chia 4 phần: Đề, Thực, Luận, Kết. - Luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ thất ngôn tứ tuyệt thường được tóm tắt bằng câu: “ <i>Nhất - tam - ngũ bất luận, nhị - tứ - lục phân minh.</i>” - Vần: Cách gieo vần của thơ luật Đường cả bài chỉ hiệp theo một vần,

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	vẫn được sử dụng là vần bằng. - Nhịp: cách ngắt nhịp của câu thơ thường là 2/2/3 hoặc 4/3 đối với thơ thất ngôn và 2/3 đối với thơ ngũ ngôn. - Đối: cách đặt câu sòng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để viết một văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Viết đoạn văn (Khoảng 4 đến 5 câu) nêu cảm nhận của em về bài thơ Nam quốc sơn hà.

(Kĩ thuật “viết tích cực”)

*** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS viết đoạn văn theo yêu cầu:

- Dung lượng đoạn văn từ 4- 5 câu; đảm bảo hình thức đoạn văn.
- Nội dung của đoạn văn: Cảm nhận của em về bài thơ *Nam quốc sơn hà*.

*** Bước 3: Báo cáo kết quả**

- GV gọi 1 – 2 HS đọc đoạn văn
- HS khác nhận xét

(Nếu hết thời gian thì để chữa bài vào tiết sau hoặc dạy chiều)

***Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, rút kinh nghiệm đoạn văn của học sinh

NHIỆM VỤ VỀ NHÀ

HS học thuộc phần Tri thức ngữ văn

HS hoàn thiện các bài tập phần vận dụng.

Tìm thêm các bài thơ Thất ngôn bát cú và tứ tuyệt.

Chuẩn bị nội dung bài đọc: *Qua đèo Ngang*

TUẦN:

Ngày soạn: / ... / 202...

Ngày dạy: / ... / 202...

Tiết.... :

QUA ĐÈO NGANG

Bà Huyện Thanh Quan

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối...

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc, biện pháp tu từ.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

2. Về năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (bố cục, gieo vần, niêm luật...) và nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, thái độ của tác giả...) trong bài thơ.

- Cảm nhận được ý nghĩa của bài thơ.

3. Về phẩm chất

Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất yêu nước, yêu thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu

HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền về Đèo Ngang qua hình ảnh.

b) Nội dung

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết học – hiểu văn bản.

c) Sản phẩm

- HS chia sẻ những hiểu biết của bản thân về Đèo Ngang.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em đến với một số hình ảnh sau. Các em chú ý quan sát những hình ảnh và cho cô biết:

- Những hình ảnh này nói về địa danh nào?

- Chia sẻ những hiểu biết của em về địa danh này.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV bật video

HS:

- Nhận nhiệm vụ.

- Quan sát, lắng nghe video và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

- Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi 1, 2...

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản: *Qua đèo Ngang*

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. TÌM HIỂU CHUNG

Mục tiêu:

- Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhà thơ Bà Huyện Thanh Quan.

Nội dung:

GV: Sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.

HS: Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của GV giao.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu HS mở PHT số 1  HS: Mở PHT số 1, xem lại thông tin trong PHT số 1. Bước 3: Báo cáo thảo luận GV: Mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1) HS: - Đại diện trình bày thông tin về nhà văn Thạch Lam - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) GV: - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có). - Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản. b. Tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi. ? Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. ? Bài thơ này được làm theo thể thơ gì. - Yêu cầu HS mở PHT số 2 - Chia nhóm cặp đôi theo bàn	1. Tác giả - Tên thật là Nguyễn Thị Hinh - Bà sống vào thế kỉ 19. - Là một trong 3 nữ sĩ nổi tiếng của thơ ca Trung đại Việt Nam. - Thơ bà mang phong cách hoài cổ. - Tác phẩm tiêu biểu: <i>Thanh Long thành hoài cổ</i>, <i>Chiều hôm nhớ nhà</i>, <i>Qua chùa Trấn Bắc...</i> 2. Tác phẩm a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích b. Tìm hiểu chung về tác phẩm - Hoàn cảnh sáng tác: Được sáng tác khi bà đang trên đường vào Huế nhậm chức và dừng chân nghỉ tại đèo Ngang. - Thể loại: Thơ thất ngôn bát cú. Đặc điểm của thể loại thể hiện trong văn bản:

- Nhiệm vụ:
- + Hoán đổi PHT cho nhau
- + 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị
- + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 2

Tên:.....Lớp.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đặc điểm thể loại thể hiện trong tác phẩm

Đặc điểm của thể thơ Thất ngôn bát cú	Thể hiện trong bài thơ
Bố cục: 4 phần: Đề, thực luận, kết	
Luật: bằng/trắc	
Niêm: 1-8; 2-3; 4-5; 6-7; 8-1	
Ván: độc vận	
Nhịp: 2/2/3 hoặc 4/3	
Đốt: câu 3 > 4; câu 5 > 6	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý: Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.

HS: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV: Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2)

HS:

- Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2.

- Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

GV:

- Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).

- Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang phần II. Tìm hiểu chi tiết văn bản.

Tên:.....Lớp.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đặc điểm thể loại thể hiện trong tác phẩm

Đặc điểm của thể thơ Thất ngôn bát cú	Thể hiện trong bài thơ
Bố cục: 4 phần: Đề, thực luận, kết	- Đề (câu 1 – 2): cái nhìn bao quát về cảnh vật vắng vẻ và đìu hiu, thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn bã của tác giả. - Thực (câu 3 – 4): miêu tả cuộc sống, con người ở Đèo Ngang. - Luận (câu 5 – 6): mượn thanh âm và khung cảnh tự nhiên để gửi gắm tâm trạng nhớ nước, thương nhà của tác giả. - Kết (câu 7 – 8): thể hiện tình cảnh và tâm sự cô đơn của tác giả
Luật: bằng/trắc	luật trắc vì tiếng thứ hai của câu 1 là tiếng thanh trắc (tối).
Niêm: 1-8; 2-3; 4-5; 6-7; 8-1	Niêm: 1-8; 2-3; 4-5; 6-7
Ván: độc vận	chỉ hiệp theo một vần là vần bằng, gieo ở cuối câu 1 (tà) và các câu chẵn là 2, 4, 6 và 8 (hoa – nhà – gia – ta).
Nhịp: 2/2/3 hoặc 4/3	chủ yếu ngắt nhịp 4/3, hai câu 5 và 6 ngắt nhịp 2/2/3 tạo âm điệu nhẹ nhàng, sâu lắng.
Đốt: câu 3 > 4; câu 5 > 6	Câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

Mục tiêu:

- Giúp học sinh hiểu những nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ.
- Hiểu tình cảm, mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua bài thơ.

Nội dung

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Nhiệm vụ 1: 1. Nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV chia học sinh thành 4 nhóm. - Yêu cầu HS mở PHT số 3  Nhiệm vụ: + Nhóm 1,3: tìm hiểu về các hình ảnh, từ ngữ độc đáo trong bài thơ và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung. + Nhóm 2,4: tìm hiểu về biện pháp tu từ đặc sắc trong bài và tác dụng của biện pháp tu từ đó trong bài thơ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS) HS đọc bài thơ, thảo luận và thực hiện phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần). HS: - Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).	1. Nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ. - Thời gian: bóng xế tà - Hình ảnh: cỏ, cây, đá, lá, hoa - Từ láy: lom khom, lác đác - Điệp từ: chen → Khung cảnh hoang vắng nhưng đầy sức sống của thiên nhiên Đèo Ngang và sự lặng lẽ, đìu hiu của đời sống con người. Qua đó làm nổi bật tâm trạng cô đơn, rợn ngợp trước thiên nhiên bao la của tác giả. - Biện pháp tu từ: + Biện pháp đảo ngữ: Cặp câu 3 – 4. Tác dụng: nhấn mạnh vào sự nhỏ bé của con người trước thiên nhiên rộng lớn. Cảnh vật và con người dường như có sự xa cách khiến cho không khí càng thêm hoang vu, cô quạnh. Từ đó, làm rõ tâm trạng cô đơn, lẻ loi và nhớ nước, thương nhà của tác giả. + Biện pháp nhân hoá: Cặp câu 5 – 6. Tác dụng: nhấn mạnh sức sống mạnh mẽ của thiên nhiên, đối lập với sự thiếu sức sống của bức tranh sinh hoạt nơi xóm núi. 2. Tình cảm, cảm xúc của tác giả - Ngắt nhịp <i>Dừng chân đứng lại/trời/non/nước</i> (4/1/1/1). → tâm trạng: ngập ngừng khi dừng chân, rồi quyết định đứng lại để có thể chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Đèo Ngang lúc xế tà. Tác giả cảm thấy cô đơn, rợn ngợp khi nhận ra mình nhỏ bé trước thiên nhiên hùng vĩ “trời, non, nước”. - Câu: <i>Một mảnh tình riêng, ta với ta</i> + Từ ngữ đặc sắc: <i>mảnh tình</i>. + Cách diễn đạt độc đáo: <i>ta với ta</i>. → Mạch cảm xúc có sự vận động: từ nỗi buồn do ngoại cảnh tác động đến tâm

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS.
- Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.

Nhiệm vụ 2:**2. Tình cảm, cảm xúc của tác giả***** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****Chia sẻ cặp đôi:**

? Cách ngắt nhịp của câu thơ thứ bảy có gì đặc biệt? Cách ngắt nhịp đó giúp em hình dung như thế nào về tâm trạng của tác giả?
? Theo em, đại từ “ta” trong câu thơ cuối được hiểu như thế nào?

? Tình cảm của tác giả thể hiện qua câu thơ cuối là gì?

*** Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

HS trao đổi cặp đôi, hoàn thành câu trả lời.

GV hỗ trợ nếu cần.

*** Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

HS đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác nhận xét, bổ sung nếu cần.

Nhiệm vụ 3:**B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của bài thơ?

? Theo em, cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì?

? Bài thơ gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào?

? Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong bài thơ?

? Sau khi học xong bài thơ, em rút ra lưu ý gì khi đọc hiểu thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.

GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

HS đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp.

trạng nhớ nước, thương nhà và cuối cùng là sự cô đơn khi đối diện với chính mình, không có đối tượng để chia sẻ.

III. TỔNG KẾT:**1. Nghệ thuật:**

- Thể thơ thất ngôn bát cú được sử dụng điều luyện.

- Sử dụng nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, phép đối hiệu quả.

- Sáng tạo trong việc sử dụng từ láy, từ đồng âm khác nghĩa.

2. Nội dung:

Nỗi buồn, nỗi cô đơn, lẻ loi của nhà thơ khi đứng trước khung cảnh hoang vắng của Đèo Ngang, chạnh lòng nhớ nhà, nhớ nước của một thời quá vãng.

3. Chiến thuật đọc hiểu thơ thất ngôn bát cú luật Đường:

– Xác định đặc trưng thể loại thơ.

– Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

– Xác định tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua một số bài tập cụ thể.
 b) Nội dung: Hệ thống lại nội dung bài học theo đặc trưng thể loại bằng sơ đồ tư duy.
 c) Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của học sinh.
 d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Em hãy hệ thống lại nội dung bài học theo đặc trưng thể loại bằng sơ đồ tư duy dựa vào khung sơ đồ gợi ý sau:



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, hệ thống lại sơ đồ tư duy.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học liên hệ với cuộc sống.
 b) Nội dung: Em hãy viết đoạn văn (từ 10-15 dòng) nêu cảm nhận của em về khung cảnh thiên nhiên ở đèo Ngang.
 c) Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.
 d) Tổ chức thực hiện: Học sinh thực hiện ở nhà; GV nhận bài trên Palet và nhận xét, chỉnh sửa cho học sinh.

TUẦN

Ngày soạn: / ... / 202...

Ngày dạy: / ... / 202...

Tiết.... : ĐỌC KẾT NÓI CHỦ ĐIỂM
VĂN BẢN: LÒNG YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA

-- Hồ Chí Minh--

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

2. Năng lực.

a. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

b. Năng lực ngôn ngữ và văn học

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản nghị luận.
- Viết được đoạn văn có nội dung liên quan đến chủ đề của văn bản.

3. Phẩm chất.

- Yêu nước: tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.
- **Chăm chỉ:** Đức tính chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia công việc chung sẽ giúp các em rèn luyện, phát triển bản thân để đạt được những thành công lớn lao trong tương lai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập.
- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG - 5 phút.

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học.
- b) **Nội dung:** GV cho hs chia sẻ cảm nhận sau khi nghe bài hát: Hào khí Việt Nam. (https://youtu.be/_hzRGz2_uH0).
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS: Cảm xúc của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Hãy chia sẻ suy nghĩ và cảm nhận của em sau khi nghe xong bài hát vừa rồi?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi.
- GV theo dõi, quan sát HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân.

* Sản phẩm dự kiến:

- Cảm nhận của HS:
- + Cảm xúc tự hào về truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc. Thấy được công lao và sự hi sinh to lớn của cha ông chúng ta.
- + Tự hào hơn về quê hương đất nước.
- + Ý thức được trách nhiệm của bản thân và thế hệ trẻ hôm nay...

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (30 phút)

I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN	
Mục tiêu: Giúp HS nắm được những thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm.	
Nội dung:	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)	1. Tác giả: Hồ Chí Minh

? Trình bày những hiểu biết của em về tác giả.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm, hs khác nhận xét bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Gv chốt kiến thức

- *Hồ Chí Minh (19.5.1890 - 2.9.1969) là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam.*

- *Hồ Chí Minh có tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung. Quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.*

- *Gia đình: Thân phụ là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - một nhà Nho yêu nước có tư tưởng tiến bộ có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của Người. Thân mẫu của Người là bà Hoàng Thị Loan.*

- *Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người đã sử dụng nhiều tên gọi khác nhau: Nguyễn Tất Thành, Văn Ba, Nguyễn Ái Quốc... Tên gọi “Hồ Chí Minh” được sử dụng lần đầu tiên trong hoàn cảnh: Ngày 13 tháng 8 năm 1942, khi Trung Quốc với danh nghĩa đại diện của cả Việt Minh và Hội Quốc tế Phản Xâm lược Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ của Trung Hoa Dân Quốc.*

- *Không chỉ là một nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc, Hồ Chí Minh còn được biết đến với tư cách là một nhà văn, nhà thơ lớn.*

- *Hồ Chí Minh được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thế giới.*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV hướng dẫn HS giải thích từ khó trước khi đọc văn bản.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản đọc to, rõ ràng; cách ngắt nhịp nghỉ khi đọc,

- Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành

Phiếu học tập 01

Văn bản: Lòng yêu nước của nhân dân ta	
Xuất xứ	
Phương thức biểu đạt chính	
Bố cục	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Tên khai sinh: Nguyễn Sinh Cung (19/5/1890 - 2/9/1969).

- Quê: Xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Người là lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc VN, Danh nhân văn hóa thế giới...

2. Tác phẩm

a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích.

- Tóm tắt: *Tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng là tinh thần ấy lại kết thành một làn sóng mạnh mẽ. Lịch sử dân tộc đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại của Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi... Ngày nay, đồng bào ta cũng xứng đáng với tổ tiên ngày trước. Từ các cụ già đến trẻ nhỏ, từ kiều bào nước ngoài đến đồng bào bị tạm chiếm đều chung một lòng*

HS báo cáo sản phẩm, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

-GV chốt kiến thức.

Văn bản: Lòng yêu nước của nhân dân ta	
Xuất xứ	- Bài văn trích trong Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam (tên gọi từ năm 1951 đến năm 1976 của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay). - Tên bài do người soạn sách đặt.
Phương thức biểu đạt chính	Nghị luận
Bố cục	3 phần.

yêu nước ghét giặc. Tinh thần yêu nước giống như các thứ của quý, mà bốn phận của nhân dân là phải làm cho tinh thần ấy đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

b. Tìm hiểu chung về văn bản

- Xuất xứ:

+ *Bài văn trích trong Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam (tên gọi từ năm 1951 đến năm 1976 của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay).*

+ *Tên bài do người soạn sách đặt.*

- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

- Bố cục:

+ Phần 1. Từ đầu đến “ tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước ”:

=> Nhận định chung về lòng yêu nước

+ Phần 2. Tiếp theo đến “ một dân tộc anh hùng ”.

=> Chứng minh tinh thần yêu nước trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.

+ Phần 3. Còn lại.

=> Phát huy tinh thần yêu nước trong mọi công việc kháng chiến.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (30 phút)

II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI

Mục tiêu: Giúp HS

– Vận dụng kỹ năng đọc để hiểu nội dung VB.

– Liên hệ, kết nối với VB *Nam quốc sơn hà* và *Qua Đèo Ngang* để hiểu hơn về chủ đề *Tinh yêu Tổ quốc*.

Nội dung

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) HS thực hiện hoạt động cá nhân: ? Văn bản bàn về vấn đề gì? Nêu luận đề của văn bản. ? Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, lòng yêu nước của nhân dân ta được thể hiện như thế nào. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ học tập.	1. Vấn đề chính của văn bản. - Luận đề: Lòng yêu nước của nhân dân ta. - Biểu hiện: Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì lòng yêu nước của nhân dân ta lại trở nên sôi nổi, <i>kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn</i>

- GV theo dõi, hướng dẫn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo kết quả học tập, hs khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Luận đề: Lòng yêu nước của nhân dân ta.

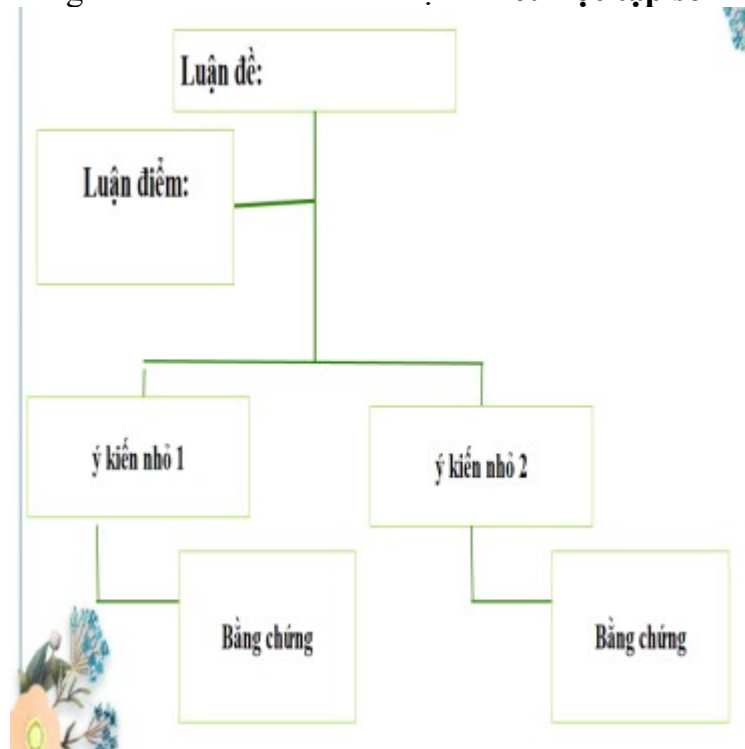
- Biểu hiện: Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì lòng yêu nước của nhân dân ta lại trở nên sôi nổi, *kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước.*

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động nhóm (5 phút)

? Xác định luận điểm, các ý kiến và dẫn chứng có trong văn bản sau đó hoàn thiện **Phiếu học tập số 2**



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV theo dõi, hướng dẫn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo kết quả học tập, hs khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

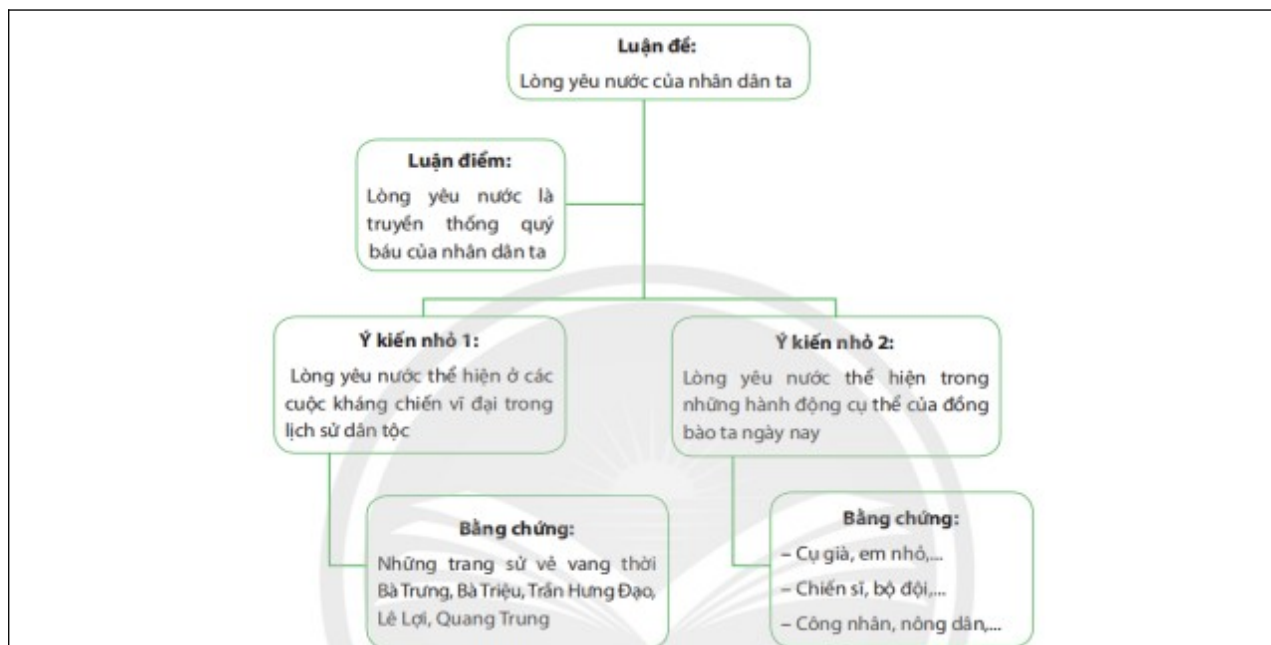
– Luận điểm: Lòng yêu nước là truyền thống quý báu của nhân dân ta.

chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước.

2. Hệ thống luận điểm, ý kiến, dẫn chứng của văn bản.

– Luận điểm: Lòng yêu nước là truyền thống quý báu của nhân dân ta.

Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề và luận điểm



Nhiệm vụ 3:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Từ sơ đồ trên, em hãy cho biết mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm và các ý kiến dẫn chứng trong bài văn nghị luận?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV theo dõi, hướng dẫn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo kết quả học tập, hs khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV chốt kiến thức

=> Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm và các ý kiến dẫn chứng trong bài văn nghị luận:

- Luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận cần được liên kết chặt chẽ với nhau, nhưng cũng phải rành mạch, không trùng lặp. Luận điểm nêu trước chuẩn bị cơ sở cho luận điểm nêu sau để dẫn tới kết luận.

- Lí lẽ (ý kiến) và bằng chứng chứng minh cho luận điểm, luận điểm chứng minh cho luận đề.

=> Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm và các ý kiến dẫn chứng trong bài văn nghị luận:

- Luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận cần được liên kết chặt chẽ với nhau, nhưng cũng phải rành mạch, không trùng lặp. Luận điểm nêu trước chuẩn bị cơ sở cho luận điểm nêu sau để dẫn tới kết luận.

- Lí lẽ (ý kiến) và bằng chứng chứng minh cho luận điểm, luận điểm chứng minh cho luận đề.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (7 phút)

a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS viết đoạn văn ngắn.

c) Sản phẩm: các đoạn văn học thực hiện được

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)- HS hoạt động cá nhân

? Viết 1 đoạn văn khoảng 6 câu, nêu 1 số việc mà em đã hoàn thành tốt và lí giải vì sao những việc làm đó thể hiện tình yêu nước của em.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày đoạn văn của mình
- HS khác nhận xét, góp ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét chung.

Đoạn văn tham khảo:

Tình yêu đất nước là một tình cảm thiêng liêng, cao đẹp. Đầu tiên, có thể hiểu đơn giản rằng, yêu nước là tình cảm yêu mến, tự hào và gắn bó dành cho đất nước của mình. Đã từ lâu, tinh thần yêu nước trở thành một truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Trong quá khứ, tinh thần đó được thể hiện ở lòng căm thù giặc ngoại xâm, sự đồng lòng và quyết tâm đánh bại quân xâm lược, giành lại độc lập chủ quyền cho đất nước. Biết bao nhiêu người con của tổ quốc thân yêu đã ngã xuống, không tiếc tuổi trẻ, không tiếc mạng sống. Ở hiện tại, khi đất nước đã hòa bình, tinh thần đó lại được biểu hiện qua nhiều hành động. Tình yêu dành cho mảnh đất quê hương đã sinh ra và nuôi lớn chúng ta. Hay kiên trì học tập, rèn luyện để trở về xây dựng và phát triển quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp. Bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận không nhỏ có lối sống lệch lạc, họ chỉ biết chạy theo vật chất, sa ngã vào các tệ nạn xã hội hay có những hành vi chống phá, gây tổn hại đến đất nước. Điều này thật đáng phê phán và cần xử lí nghiêm. Như vậy, mỗi người cần hiểu được rằng tinh thần yêu nước rất quý giá, mà trách nhiệm của mỗi người dân là cần giữ gìn và phát huy được.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Dự kiến thời lượng: 3 phút)

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung:

- Vẽ 1 bức tranh với chủ đề về tình yêu nước (Tình yêu quê hương, biển đảo)
- Làm ở nhà, trên phiếu học tập gửi sản phẩm vào Zalo của GV.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS làm ở nhà.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Dựa vào nội dung văn bản và cảm nhận của em hãy vẽ 1 bức tranh với chủ đề: Tình yêu quê hương đất nước (quê hương, biển đảo...)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT, GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV yêu cầu HS gửi sản phẩm lên Zalo của GV.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá,

TUẦN:

Ngày dạy: / ... / 202...

Tiết.... : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

(Đạo ngữ: Đặc điểm và tác dụng;

Câu hỏi tu từ: Đặc điểm và tác dụng)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ và câu hỏi tu từ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe)
- Năng lực văn học

3. Phẩm chất

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- HS có ý thức vận dụng bài học vào giao tiếp, tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị:

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

2. Học liệu:

- Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo,
- Tranh, ảnh, video liên quan.
- Phiếu học tập

Phiếu học tập số 1

Chỉ ra điểm khác nhau của 2 câu trong từng VD. Nêu tác dụng trong cách diễn đạt của câu a2 và b2?

Ví dụ			Đặc điểm	Tác dụng
a	a1. Một cành củi khô lạc mấy dòng	a2. Củi một cành khô lạc mấy dòng (Huy Cận – Tràng Giang)		
b	b1. Mái tóc người cha bạc phơ	b2. Bạc phơ mái tóc người cha Ba mươi năm Đảng nở hoa tặng Người (Tố Hữu - Ba mươi năm đời ta có Đảng)		

Phiếu học tập số 2

Chỉ ra điểm giống nhau về mặt hình thức và điểm khác nhau về mục đích của 2 câu trong từng VD. Nêu tác dụng trong cách diễn đạt của câu a2 và b2?

Ví dụ			Giống	Khác
a	a1. Bạn có thể rời mẹ để đi chơi cùng chúng mình không?	a2. “Mẹ mình đang đợi mình ở nhà” – con bảo – “làm sao có thể rời mẹ mà đến được?” (Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go, Mây và Sóng)		
b	b1. Em là học sinh trường nào?	b2. “Em là ai? Cô gái hay nàng tiên?”		

		(Tổ Hữu - Người con gái Việt Nam)		
--	--	-----------------------------------	--	--

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung: HS tham gia trò chơi học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức trò chơi: AI NHANH HƠN.

Luật chơi: Xếp các từ sau thành câu theo các cách khác nhau: *chim, trên, hót, ríu rít, cây*.

HS nào sắp xếp được thành nhiều câu có nghĩa nhất là người chiến thắng. Thời gian: 3 phút.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, sắp xếp các từ thành nhiều câu có nghĩa nhất.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV thống kê xem HS nào viết được nhiều câu nhất.

GV yêu cầu HS viết được nhiều câu lên bảng ghi lại các câu mình đã viết

HS còn lại đối chiếu, nhận xét, bổ sung các đáp án khác.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dự kiến sản phẩm:

- Chim hót ríu rít trên cây.
- Chim trên cây hót ríu rít.
- Chim ríu rít hót trên cây.
- Chim trên cây ríu rít hót.
- Trên cây chim hót ríu rít.
- Ríu rít trên cây chim hót.

GV kết nối, dẫn vào bài mới: *Qua trò chơi ở phần Khởi động chúng ta đã biết có nhiều cách sắp xếp từ. Mỗi một cách sắp xếp có thể tạo thành 1 câu. Vậy trong các câu đó, câu nào là câu sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ. Chúng ta sẽ có được câu trả lời qua bài học ngày hôm nay. Hơn nữa, qua bài học ngày hôm nay chúng ta còn biết thêm kiến thức về câu hỏi tu từ.*

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

A. Tri thức tiếng Việt

a) Mục tiêu: Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ và câu hỏi tu từ.

b) Nội dung: HS thảo luận cặp đôi để hoàn thành PHT.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS hoàn thành PHT số 1 ? Qua PHT số 1, em hãy tóm tắt đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ bằng 1 sơ đồ tư duy? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ và làm việc cá nhân -> trao đổi cặp đôi để hoàn thiện PHT số 1 Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chuẩn kiến thức GV yêu cầu HS hoàn thiện sơ đồ tư duy vào vở	A. TRI THỨC TIẾNG VIỆT 1. Đảo ngữ: Đặc điểm và tác dụng <pre> graph TD A[Đảo ngữ] --> B[Đặc điểm] A --> C[Tác dụng] B --> D[Thay đổi vị trí] D --> E[thành phần trong cụm từ] D --> F[thành phần trong câu] C --> G[Nhấn mạnh ý nghĩa] C --> H[Làm sự diễn đạt thêm] G --> I[Sinh động] H --> J[Gợi cảm] H --> K[Giàu âm hưởng] </pre>

Phiếu học tập số 1

Ví dụ			Đặc điểm	Tác dụng
a	a1. Một cảnh cũi khô lạc mấy dòng	a2. Cũi một cảnh khô lạc mấy dòng	a1. Cách diễn đạt thông thường a2. Thay đổi vị trí thành phần trong cụm từ	- Nhấn mạnh hình ảnh - Làm cho cách diễn đạt thêm gợi cảm và giàu âm hưởng
b	b1. Mái tóc người cha bạc phơ	b2. Bạc phơ mái tóc người cha Ba mươi năm Đảng nở hoa tặng Người (Tố Hữu)	b1. Cách diễn đạt thông thường b2. Thay đổi vị trí thành phần trong câu (VN-CN)	

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS hoàn thành PHT số 2 ? Qua PHT số 2, em hãy tóm tắt đặc điểm và tác dụng của câu hỏi tu từ bằng 1 sơ đồ tư duy? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ và làm việc cá nhân -> trao đổi cặp đôi để hoàn thiện PHT số 2 Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chuẩn kiến thức GV yêu cầu HS hoàn thiện sơ đồ tư duy vào vở	2. Câu hỏi tu từ: Đặc điểm và tác dụng <pre> graph TD A[Câu hỏi tu từ] --> B[Đặc điểm] A --> C[Tác dụng] B --> D["Giống câu hỏi thông thường (Kết thúc bằng dấu chấm hỏi)"] C --> E[Nhấn mạnh nội dung] </pre>

Phiếu học tập số 2

Ví dụ			Giống nhau	Khác nhau
a	a1. Bạn có thể rời mẹ để đi chơi cùng chúng mình không?	a2. “Mẹ mình đang đợi mình ở nhà” – con bảo – “làm sao có thể rời mẹ mà đến được?” (Ra-bin-đờ-ra-nát Ta-go, Mây và Sóng)	Hình thức: câu hỏi (Kết thúc bằng dấu chấm hỏi)	Mục đích: - a1, b1: hỏi thông tin nhằm mục đích làm sáng tỏ một nội dung nào đó mà người hỏi chờ đợi câu trả lời từ người được hỏi. - a2: Nhấn mạnh tình cảm yêu thương và sự gắn bó của em bé dành cho mẹ. b2: Cảm thán, khẳng định vẻ đẹp của cô gái -> Nhấn mạnh nội dung người nói, người viết muốn gửi gắm
b	b1. Em là học sinh trường nào?	b2. “Em là ai? Cô gái hay nàng tiên?” (Tổ Hữu - Người con gái Việt Nam)		

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

B. Thực hành tiếng Việt

a) **Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức đã học về đảo ngữ và câu hỏi tu từ vào việc hoàn thành các bài tập.

b) **Nội dung:** GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập trong SGK

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bài tập 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập số 1 GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi: Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ và nêu tác dụng? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. HS thảo luận cặp đôi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời đại diện các cặp đôi trả lời - HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức.	B. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT Bài tập 1: * Xác định đảo ngữ a. Lòng nồng nàn yêu nước -> thay đổi vị trí thành phần trong cụm từ (Cách nói thông thường: Lòng yêu nước nồng nàn) b. Đã tan tác những bóng thù hắc ám Đã sáng lại trời thu tháng Tám -> Thay đổi vị trí thành phần câu (vị ngữ đứng trước chủ ngữ) * Tác dụng - Nhấn mạnh hình ảnh - Làm cho câu thơ thêm sinh động, gợi cảm và giàu âm hưởng.
Bài tập 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc lại bài thơ Nam quốc sơn hà GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 người: a. Xác định câu hỏi tu từ trong bài thơ?	Bài tập 2: a. Câu hỏi tu từ: “Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm?” b. Tác dụng - Nhấn mạnh hành động ngang tàng, bạo ngược của giặc ngoại xâm

b. Nhận xét hiệu quả của câu hỏi tu từ ấy trong việc thể hiện nội dung của bài thơ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. HS thảo luận nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời đại diện các nhóm trả lời - HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức.	- Thể hiện thái độ phản đối mạnh mẽ của người viết
Bài tập 3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi bài tập 3 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. HS suy nghĩ -> trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi HS trả lời - HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức.	Bài tập 3: - Là câu hỏi tu từ - Cơ sở xác định: Câu hỏi này không nhằm tìm kiếm câu trả lời mà để bộc lộ tình cảm thiết tha của người viết dành cho xóm làng Vòng.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để viết một văn bản, trong đó sử dụng câu hỏi tu từ và biện pháp tu từ đảo ngữ.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Viết đoạn văn (Khoảng 4 đến 5 câu) trong đó có ít nhất 1 câu hỏi tu từ, nêu cảm nhận của em về bài thơ Qua đèo Ngang. Sau đó, cho biết câu hỏi ấy có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung của đoạn văn.

(Kĩ thuật “viết tích cực”)

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS viết đoạn văn theo yêu cầu:

- Dung lượng đoạn văn từ 4- 5 câu; đảm bảo hình thức đoạn văn.
- Nội dung của đoạn văn: Cảm nhận của em về bài thơ *Qua đèo Ngang*.
- Đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 câu hỏi tu từ.
- Nêu tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ trong đoạn văn

***Bước 3: Báo cáo kết quả**

GV gọi 1 – 2 HS đọc đoạn văn

HS khác nhận xét

(Nếu hết thời gian thì để chữa bài vào tiết sau hoặc dạy chiều)

***Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, rút kinh nghiệm đoạn văn của học sinh

NHIỆM VỤ VỀ NHÀ

HS hoàn thiện các bài tập phần Thực hành Tiếng Việt.

Tìm thêm và làm các bài tập về đảo ngữ và câu hỏi tu từ

Chuẩn bị nội dung bài đọc mở rộng theo thể loại “*Chạy giặc*” (Nguyễn Đình Chiểu)

TUẦN:

Ngày soạn: / ... / 202...

Ngày dạy: ... / ... / 202...

**Tiết.... : ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI:
CHẠY GIẶC**

Nguyễn Đình Chiểu

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực:

1.1 Năng lực chung: tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác.

1.2 Năng lực đặc thù:

- Xác định đặc trưng thể loại thơ.
- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.
- Xác định tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

2. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.
- Chăm chỉ: ý thức tự giác học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu: Sách giáo khoa, tranh ảnh liên quan đến bài học.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01 Đọc lại văn bản Chạy giặc và thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Xác định bố cục của bài thơ

2. Đối chiếu với luật thơ thất ngôn bát cú và trả lời câu hỏi: Bài thơ được làm theo luật bằng hay luật trắc?

Phân tích luật, niêm, vần, nhịp, đối của bài thơ Qua Đèo Ngang bằng cách điền vào bảng sau:

Luật	
Niêm	
Vần	
Nhịp	
Đối	

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề (5 phút)

a) Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.
- Dẫn dắt vào bài mới.

b) Nội dung: Giáo viên cho học sinh trả lời trò chơi “Ai là triệu phú”.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi:
- + Cách chơi: học sinh xung phong trả lời câu hỏi, trả lời đúng được một tràng vỗ tay
- + Tổ chức: cho cả lớp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát, lắng nghe trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả: GV tổ chức hoạt động - HS trả lời

Bước 4: Đánh giá kết quả: GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức:

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được một số yếu tố về đặc điểm của thơ Đường luật: số lượng câu, chữ, vần.
- Nhận biết được hình ảnh, tình cảm – cảm xúc mà tác giả muốn gửi đến người đọc.

b. Nội dung: Thuyết trình, thảo luận tìm hiểu đặc điểm hình thức và nội dung văn bản.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
I. HD HS Trải nghiệm cùng văn bản 1. GV cho HS đọc trực tiếp văn bản Yêu cầu: đọc to, chú ý đến vần, các vế khi đọc tục ngữ. 2. Tìm hiểu chú thích: GV giải thích thêm một số từ khó II. HD HS Suy ngẫm – Phản hồi: *NV1: HD HS tìm hiểu dấu hiệu nhận biết thể loại: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Bước 1.1: Thảo luận nhóm: GV chia lớp thành ba nhóm yêu cầu nhóm thảo luận với Phiếu học tập 1 Nhóm 1: Tìm bố cục bài thơ Nhóm 2: Chỉ ra đặc điểm thể loại bài thơ Nhóm 3: Tìm hình ảnh đặc sắc, biện pháp tu từ trong bài thơ Thảo luận trả lời các ý trong phiếu học tập Bước 1.2: GV nêu câu hỏi cho cả lớp <i>? Về hình thức, hai câu tục ngữ số 1 và số 6 có gì khác biệt so với các câu 2,3,4,5?</i> Câu 1 rất ngắn gọn 4 chữ, câu 6 câu lục bát. <i>? Nêu tác dụng của việc gieo vần trong các câu tục ngữ?</i> Tác dụng của vần tạo nên sự hài hòa âm thanh các câu tục ngữ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận theo tổ, GV gợi ý để trả lời câu hỏi vào phiếu HT Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời đại diện tổ trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá hoạt động các nhóm. - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo	I. Trải nghiệm cùng văn bản: 1. Đọc 2. Chú thích II. Suy ngẫm và phản hồi. 1. Đặc điểm hình thức thơ : a. Bố cục: Bốn phần: đề – thực – luận – kết. + Đề (câu 1 – 2): giới thiệu tình hình đất nước bị giặc Tây xâm lược. + Thực (câu 3 – 4): khắc hoạ chi tiết khung cảnh loạn lạc. + Luận (câu 5 – 6): nhìn vấn đề trong một bối cảnh rộng hơn, sâu sắc hơn. + Kết (câu 7 – 8): tình cảm yêu nước, thương dân, lo lắng cho vận mệnh đất nước. - Đây là bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng: + Số câu: 8. + Số chữ trong câu: 7. + Niêm: Chữ thứ hai câu 1 là “trắc” niêm với chữ thứ hai câu 8 cũng là “trắc”, chữ thứ hai câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ hai câu 3 cũng là “bằng”, chữ thứ hai câu 4 là “trắc” niêm với chữ thứ hai câu 5 cũng là “trắc”, chữ thứ hai câu 6 là “bằng” niêm với chữ thứ hai của câu 7 cũng là “bằng”. - Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1, 2, 4, 6, 8 (<i>Tây – tay – bay – mây – này</i>). - Đối: Câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6. - Nhịp: 2/2/3 ở các câu 1, 3, 4, 5, 6 và nhịp 4/3 ở các câu 2, 7, 8 tạo được cảm xúc dồn dập, biến đổi. => Kết luận: Bài thơ tuân thủ quy định về luật, niêm, vần của một bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng theo luật Đường. b. Hình ảnh: chạy giặc của người dân được gợi tả từ <i>lơ xơ, đảo đảo</i> (từ láy), <i>tan bọt nước</i>,

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
	<i>nhuộm màu mây vẽ ra bức tranh loạn lạc, tang thương với những con người yếu ớt, không nơi nương tựa.</i> c. Biện pháp tu từ: - Đảo ngữ câu 3, 4, 5, 6 nhằm nhấn mạnh sự yếu ớt, không nơi nương tựa của con người trong cảnh loạn lạc. - Câu hỏi tu từ đặt ra cuối bài thơ câu trả lời đã nằm ngay trong câu hỏi. Tác dụng: nhấn mạnh nội dung người viết gửi gắm: dân tộc này cần người có trách nhiệm đứng ra gánh vác, đối phó với giặc ngoại xâm.
*NV2: Hướng dẫn HS tìm hiểu tình cảm – cảm xúc bài thơ: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ <i>Tác giả muốn gửi gắm tình cảm gì qua các bài thơ này?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời theo cá nhân. Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời các học sinh lần lượt trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá sản phẩm câu trả lời và rút ra kết luận <i>Để đọc nhận diện tốt đặc điểm thể loại thơ Đường luật, giáo viên lưu ý HS một số ý đặc điểm hình thức và nội dung.</i> - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo	2. Tình cảm, cảm xúc - Tác giả bày tỏ sự lo lắng, thương xót cho người dân, cho vận mệnh đất nước, đồng thời thể hiện sự thất vọng, sự trông đợi, sự chắt vắn,... đối với những “trang đẹp loạn”, những người có khả năng và trách nhiệm trước thời cuộc.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- Củng cố lại kiến thức đã học, tạo không khí lớp học sôi nổi và hào hứng học tập.

b. Nội dung:

- Gv tổ chức đọc bài thơ Bạn đến chơi nhà để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học về thể loại

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời đúng của HS, thái độ hợp tác.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: *Đọc – phân tích đặc điểm về thể loại bài thơ*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Gv quan sát, gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ;

Bước 3: Báo cáo kết quả: Gv tổ chức hoạt động - Hs tham gia trò chơi, trả lời.

Bước 4: Đánh giá kết quả: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

4. Hoạt động 4: Vận dụng (Có thể giao về nhà)

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức về thể loại các thơ Đường luật đã học vào trong quá trình đọc sách ngày.

b. Nội dung: Học sinh hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Trình bày ý kiến của bản thân bằng viết đoạn văn (2-3 câu).

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Suu tầm kê tên một số bài thơ Đường luật

B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoàn thành ở nhà.

B3. Báo cáo kết quả: HS nộp vở có hoàn thành đoạn văn.

B4. Đánh giá, nhận xét: GV nhận xét bài HS.

*** Dẫn dò:**

- Về học kĩ nội dung của bài học, nắm chắc đặc điểm hình thức nhận biết thể loại tục ngữ.
- Chuẩn bị cho tiết sau: Đọc trước phần Viết

TUẦN:

Ngày soạn: / ... / 202...

Ngày dạy: / ... / 202...

Tiết.... : VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU DẠY HỌC

1. Kiến thức

Biết cách viết bài văn đảm bảo các bước: Chuẩn bị trước khi viết (Xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa; rút kinh nghiệm sau khi viết.

Viết được bài văn để kể lại một hoạt động xã hội có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố ấy trong văn bản.

2. Năng lực

- Thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của hoạt động.
- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận
- Tạo lập văn bản (viết bài văn)

3. Phẩm chất

- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Máy chiếu, phiếu học tập, bảng, phấn

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh trước khi viết bài

b. Nội dung: Xem clip và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu video sau và cho HS xem và yêu cầu trả lời câu hỏi sau khi xem video: em có cảm xúc gì sau khi xem clip? Bản thân em đã tham gia hoạt động xã hội nào? Cùng chia sẻ suy nghĩ?	Video nói về chuyến hoạt động thiện nguyện của nam ca sĩ đến với trẻ em nghèo vùng cao: “Kìa mây, mây ngang đầu, kìa núi, núi lô nhô Cùng em trên con đường, đường bé xíu quanh co Băng qua những ngọn đồi Thấy em nghiêng nghiêng cười trong đôi mắt tròn”
B2: Thực hiện nhiệm vụ HS nghe bài hát, note nhanh những chi tiết phục vụ cho câu trả lời.	
B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ	

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
HS trả lời B4: đánh giá kết luận GV chốt: Đến với những đứa trẻ vùng cao, nam ca sĩ và đoàn thiện nguyện đã có những cảm xúc khó diễn tả. tận mắt chứng kiến cuộc sống còn khó khăn nhưng dường như sự hồn nhiên trong trẻo của các em vẫn luôn hiện hữu. Qua hoạt động đó, mọi người đã có những trải nghiệm để lại nhiều suy nghĩ, cảm xúc. Bản thân chúng ta chắc cũng đã từng tham gia các hoạt động xã hội. Chúng ta hãy cùng chia sẻ trong tiết học hôm nay.	Đoàn đã tận mắt chứng kiến cuộc sống của trẻ em nơi đây, nấu cơm cho các em và hi vọng một tương lai tươi sáng sẽ đến với những các em. <i>“Nấu cho các em ăn dù anh không là đầu bếp giỏi (he he) Cũng là cách anh giúp chính mình bớt nghĩ suy cho đầu hết mỗi Anh muốn thấy những vị khách nhỏ ăn hết sạch những đồ ngon thơm Vì anh biết những đứa trẻ này, mai này sẽ xây dựng quê hương”</i> Chuyến đi đã để lại anh cũng như đoàn thiện nguyện nhiều suy nghĩ và cảm xúc.

2. Hoạt động 2. TÌM HIỂU TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI

- Mục tiêu:** Nhấn mạnh tác dụng của việc luyện tập kiểu bài
- Nội dung:** Nhắc lại kiến thức đã học về kiểu bài.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- Tổ chức hoạt động**

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV giao phiếu học tập: <i>Kiểu bài này đã học ở Bài 4 (Sắc thái của tiếng cười). HS thảo luận nhóm trong 5p, nhớ lại kiến thức và hoàn thành bảng sau:</i> Yêu cầu của kiểu bài văn kể lại một hoạt động xã hội: <table border="1"> <tr> <th>Người kể là gì?</th><th></th></tr> <tr> <td>Những thông tin nào cần có khi kể về hoạt động? Sắp xếp các thông tin đó như thế nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Cần kết hợp các yếu tố nào khi kể?</td><td></td></tr> <tr> <td>Bố cục bài viết cần đảm bảo những gì?</td><td></td></tr> </table> B2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận trong 5p B3: Báo cáo, thảo luận Đại diện nhóm trả lời B4: Kết luận, nhận định (GV) Yêu cầu của kiểu bài văn kể lại một hoạt động xã hội: <table border="1"> <tr> <th>Người kể là gì?</th><th>Người thứ nhất</th></tr> <tr> <td>Những thông tin nào cần có khi kể về hoạt động? Sắp xếp các thông tin đó như thế nào?</td><td> * Nếu được các thông tin cơ bản: - Miêu tả quang cảnh - Không gian diễn ra hoạt động - Thời gian diễn ra hoạt động * Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lý </td></tr> <tr> <td>Cần kết hợp các yếu tố nào khi kể?</td><td>- Kết hợp yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố trên cho bài văn thêm sinh động, hấp dẫn.</td></tr> <tr> <td>Bố cục bài viết cần đảm bảo những gì?</td><td> * Mở bài: giới thiệu hành để lại cho em suy nghĩ và cảm xúc. * Thân bài: Kể các thông tin cơ bản ở trên * Kết bài: Khẳng định giá trị hành, suy nghĩ cho bản thân. </td></tr> </table>	Người kể là gì?		Những thông tin nào cần có khi kể về hoạt động? Sắp xếp các thông tin đó như thế nào?		Cần kết hợp các yếu tố nào khi kể?		Bố cục bài viết cần đảm bảo những gì?		Người kể là gì?	Người thứ nhất	Những thông tin nào cần có khi kể về hoạt động? Sắp xếp các thông tin đó như thế nào?	* Nếu được các thông tin cơ bản: - Miêu tả quang cảnh - Không gian diễn ra hoạt động - Thời gian diễn ra hoạt động * Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lý	Cần kết hợp các yếu tố nào khi kể?	- Kết hợp yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố trên cho bài văn thêm sinh động, hấp dẫn.	Bố cục bài viết cần đảm bảo những gì?	* Mở bài: giới thiệu hành để lại cho em suy nghĩ và cảm xúc. * Thân bài: Kể các thông tin cơ bản ở trên * Kết bài: Khẳng định giá trị hành, suy nghĩ cho bản thân.	- Ngôi thứ nhất - Nêu được các thông tin cơ bản: Miêu tả quang cảnh Không gian diễn ra hoạt động Thời gian diễn ra hoạt động * Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lý - Bố cục : 3 phần
Người kể là gì?																	
Những thông tin nào cần có khi kể về hoạt động? Sắp xếp các thông tin đó như thế nào?																	
Cần kết hợp các yếu tố nào khi kể?																	
Bố cục bài viết cần đảm bảo những gì?																	
Người kể là gì?	Người thứ nhất																
Những thông tin nào cần có khi kể về hoạt động? Sắp xếp các thông tin đó như thế nào?	* Nếu được các thông tin cơ bản: - Miêu tả quang cảnh - Không gian diễn ra hoạt động - Thời gian diễn ra hoạt động * Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lý																
Cần kết hợp các yếu tố nào khi kể?	- Kết hợp yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố trên cho bài văn thêm sinh động, hấp dẫn.																
Bố cục bài viết cần đảm bảo những gì?	* Mở bài: giới thiệu hành để lại cho em suy nghĩ và cảm xúc. * Thân bài: Kể các thông tin cơ bản ở trên * Kết bài: Khẳng định giá trị hành, suy nghĩ cho bản thân.																

3. Hoạt động 3. VIẾT THEO QUY TRÌNH

a. Mục tiêu:

- HS **xác định** được đề tài sẽ viết.
- HS **xác định** được bố cục và những chi tiết trong bài viết
- HS **viết** được bài văn
- HS **đánh giá** bài làm của mình

b. Nội dung:

HS làm việc cá nhân, viết ra giấy note đề tài của mình.

c. Sản phẩm: Đề tài cho bài viết.

d. Tổ chức hoạt động:

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV giới thiệu cho hs một số hoạt động và cho hs lựa chọn. ? Em viết về đề tài gì? ? VB mà em viết nhằm mục đích gì? ? Người đọc VB này là ai ? - GV phát phiếu tìm ý và hoàn thiện phiếu tìm ý - GV hướng dẫn HS đọc gợi ý trong phiếu (Hs làm việc cá nhân) - ND phiếu: Phiếu ghi chép câu chuyện về hoạt động xh mà tôi chứng kiến hoặc tham gia. B2 Thực hiện nhiệm vụ: Đọc gợi ý và lựa chọn đề tài Tìm ý bằng cách hoàn thiện phiếu B3. Báo cáo sản phẩm: -GV yêu cầu HS báo cáo SP cá nhân -HS đọc nhanh SP của mình -HS khác theo dõi và bổ sung ý kiến cho bạn B4 : Kết luận, nhận định của GV: - Nhận xét thái độ học tập và SP của HS - Dẫn vào mục lập dàn ý	1. Trước khi viết - Mục đích viết - Người đọc - Đề tài - Tài liệu thu thập
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chiếu sơ đồ thác thảo tìm ý - GV yêu cầu HS sắp xếp những ý trong sơ đồ để trở thành dàn ý của bài văn kể chuyện về một hoạt động xã hội. B2 . Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong vòng 2 phút B3. Báo cáo sản phẩm: - HS đọc nhanh sản phẩm - Chia sẻ ý tưởng của mình cho các bạn góp ý - HS khác góp ý cho bạn (nếu cần) B4. Kết luận và nhận định của GV Kết luận và nhận xét	2. Tìm ý và lập dàn ý a) Tìm ý - Gồm những sự việc nào? - Không ,thời gian diễn ra hoạt động xã hội đó? - Quang cảnh và con người? - Suy nghĩ và cảm xúc của em? b) Lập dàn ý - <u>Mở bài</u>: giới thiệu hoạt động xã hội em sẽ kể, cảm xúc. - <u>Thân bài</u>: kể diễn biến câu chuyện. + Thời gian + Không gian + Những nhân vật có liên quan + Kể lại các sự việc có kết hợp hai yếu tố

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
	miêu tả và biểu cảm - <i>Kết bài</i> : kết thúc câu chuyện và cảm xúc, suy nghĩ của bản thân.
B1. GV chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS Dựa vào dàn ý trên: viết hoàn chỉnh bài văn. Đảm bảo yêu cầu của kiểu bài văn kể lại hoạt động xã hội B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ: - Bám vào yêu cầu của dàn bài để viết hoàn chỉnh bài văn - Thống nhất về ngôi kể B3. Báo cáo sản phẩm: GV gọi HS 1-3 em đọc HS khác lắng nghe và nhận xét cho bạn B4: Kết luận và nhận định của GV - GV kết luận và giao nhiệm vụ - HS về nhà hoàn thiện bài văn hoàn chỉnh theo những góp ý	3. Viết bài - Viết theo dàn ý - Nhất quán về ngôi kể - Sử dụng những yếu tố miêu tả và biểu cảm
B1: GV giao nhiệm vụ: GV chiếu bảng kiểm - HS trao đổi bài cho nhau - Dùng bảng kiểm để góp ý B2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của GV B3: Báo cáo sản phẩm: -GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn - HS nhận xét và đưa ra hướng viết của mình nếu như làm Bài của bạn . B4: Kết luận, nhận định của GV: GV chốt lại những ưu điểm và nhược điểm của bài viết.	4. Chỉnh sửa bài viết - Giáo viên chiếu bảng kiểm để hs đối chiếu và đánh giá.

4. Hoạt động 4. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS khắc sâu hơn kiến thức về kiểu bài văn kể lại hoạt động xã hội

b. Nội dung: Nhắc lại được tri thức kiểu văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức hoạt động:

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV tổ chức trò chơi Mảnh ghép bí mật và cho hs lần lượt lật từng mảnh ghép tương ứng với các câu hỏi. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời B3: Báo cáo thảo luận - HS trả lời. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV chốt lại kiến thức	- Các câu hỏi liên quan đến ngôi kể - Câu hỏi về bố cục - Về yêu cầu trong phần thân bài.

5. Hoạt động 5. VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Hs có thể tạo lập văn bản về kiểu bài văn kể lại hoạt động xã hội
- b. **Nội dung:** nhớ được tri thức kiểu văn bản
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.
- d. **Tổ chức hoạt động:**

HD CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV giao nhiệm vụ “ <i>Viết bài văn kể lại một lần tham gia “ngày chủ nhật xanh” dọn dẹp rác ở khu phố em ở</i> ” B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời B3: Báo cáo thảo luận -HS trả lời. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV chốt lại kiến thức <i>Gv dẫn dò, chuẩn bị cho tiết nói và nghe.</i>	- Bài làm của hs

TUẦN:

Ngày soạn: / ... / 202...

Ngày dạy: / ... / 202...

Tiết.... : NÓI VÀ NGHE

NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH CỦA NGƯỜI KHÁC

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe bài thuyết trình của người khác và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các bài thuyết trình của bạn.
- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

b. Năng lực đặc thù:

- Biết ghi lại các ý cốt lõi, nội dung cơ bản, tóm lược các ý dưới dạng cụm từ.
- Biết cách tóm tắt nội dung trình bày của người khác hoặc tài liệu.

2. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: ghi chép lại những nội dung của cuộc trao đổi.
- Trách nhiệm: biết lắng nghe, đánh giá, trân trọng ý kiến người khác, trình bày, chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, máy tính; video.
- Bảng kiểm kĩ năng tóm tắt nội dung thuyết trình do người khác trình bày.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hào hứng đầu tiết học, kết nối kiến thức đời sống vào tiết học.
- b. **Nội dung:** Học sinh quan sát video và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

*** Giao nhiệm vụ:**

- Gv chiếu video
- Hs vừa lắng nghe vừa ghi tóm tắt lại những hoạt động có ích với cộng đồng mà thanh niên quận Lê Chân đã làm trong video vào giấy note.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** quan sát, lắng nghe và ghi lại

*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

- HS trình bày cá nhân
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

*** Đánh giá kết luận:** Gv nhận xét và dẫn dắt vào bài:

Gv giới thiệu bài: *Bản thân chúng ta đã tham gia nhiều hoạt động có ích vì cộng đồng, trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng chia sẻ về những việc làm đó trong hoạt động Nói và nghe: Tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu

- Nắm được nội dung thuyết trình của người khác.
- Tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác

b. Nội dung

- Biết ghi lại các ý cốt lõi, nội dung cơ bản bài thuyết trình về những hoạt động xã hội có ích với cộng đồng.
- Tóm lược các ý dưới dạng cụm từ.
- Biết cách tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

c. Sản phẩm học tập: Phần tóm tắt của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

I. CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE				
a. Mục tiêu: Hs biết các bước tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác				
b. Nội dung: - Biết các bước tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.				
c. Tổ chức thực hiện	d. Sản phẩm			
B1. Chuyển giao nhiệm vụ HĐCĐ: Trình bày cụ thể nhiệm vụ các bước tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác? B2: Thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện B3: Báo cáo thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B4: Đánh giá, nhận định - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm	- Các bước tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác:			
	Bước 1. Chuẩn bị trước khi nghe - Đọc lại bài viết kể lại 1 hoạt động xã hội có ý nghĩa với cộng đồng đã thực hành ở hoạt động Viết. - Liệt kê các ý sẽ trình bày trong bài nói của mình			
	Bước 2: Nghe và ghi tóm tắt			
	<table><tr><td>Cách thức tóm tắt</td><td>- Ghi ngắn gọn bằng ngôn từ của mình, sử dụng từ khóa, cụm từ - Sử dụng kí hiệu, gạch đầu dòng để làm nổi bật ý. - Viết dưới dạng sơ đồ</td></tr><tr><td>Chú ý nói</td><td>- Phần mở đầu, kết thúc. - Những phần được lặp lại trong thân bài - Tốc độ nói - Từ khóa của bài nói - Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: sơ đồ, kí hiệu... (nếu có)</td></tr></table>	Cách thức tóm tắt	- Ghi ngắn gọn bằng ngôn từ của mình, sử dụng từ khóa, cụm từ - Sử dụng kí hiệu, gạch đầu dòng để làm nổi bật ý. - Viết dưới dạng sơ đồ	Chú ý nói
Cách thức tóm tắt	- Ghi ngắn gọn bằng ngôn từ của mình, sử dụng từ khóa, cụm từ - Sử dụng kí hiệu, gạch đầu dòng để làm nổi bật ý. - Viết dưới dạng sơ đồ			
Chú ý nói	- Phần mở đầu, kết thúc. - Những phần được lặp lại trong thân bài - Tốc độ nói - Từ khóa của bài nói - Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: sơ đồ, kí hiệu... (nếu có)			

của học sinh - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	Bước 3: Trao đổi - Đọc lại phần ghi tóm tắt và chỉnh sửa (nếu cần) - Xác định với người nói về nội dung vừa tóm tắt. Trao đổi với người nói về ý kiến chưa rõ hoặc có quan điểm khác. - Trao đổi phần ghi tóm tắt với những người nghe khác để chỉnh sửa cho chính xác.
--	---

II. THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

a. Mục tiêu - Hiểu được nội dung thuyết trình của người khác. - Tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác b. Nội dung - Biết ghi lại các ý cốt lõi, nội dung cơ bản bài thuyết trình về những hoạt động xã hội có ích với cộng đồng. - Tóm lược các ý dưới dạng cụm từ. - Biết cách tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.	
c. Tổ chức thực hiện	d. Sản phẩm
* Nhiệm vụ 1: Tổ chức cho hs trình bày bài thuyết trình. - Gv tổ chức cho hs làm việc nhóm, yêu cầu hs trình bày bài thuyết trình của mình trong nhóm. - Sau đó gọi 1,2 học sinh trình bày bài nói đã chuẩn bị trước lớp. - Học sinh còn lại ghi chép, tóm tắt bài trình bày của bạn. - Đọc lại, chỉnh sửa bài tóm tắt của mình. * Nhiệm vụ 2: Tổ chức cho hs trao đổi. Bước 1: Gv yêu cầu hs trao đổi với các bạn trong nhóm, trong lớp. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Hs đọc lại bài thuyết trình của mình. - Lắng nghe bài thuyết trình của bạn và tóm tắt bài của bạn. - Ghi phần tóm tắt và những gì cần trao đổi với bạn lại vào giấy note. (dựa vào bảng kiểm để tóm tắt) Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv yêu cầu hs trình bày bài thuyết trình của mình trong nhóm và trong lớp. - Đọc phần tóm tắt của mình trong nhóm/ lớp. - Tiến hành đánh giá chéo dựa vào bảng kiểm.	Phần thực hành: Bài tóm tắt nội dung thuyết trình của hs

Bảng kiểm kê năng nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị trước khi nghe	Liệt kê những gì đã biết và muốn tìm hiểu thêm về đề tài của bài thuyết trình.		
	Xác định mục đích nghe.		
	Xác định đề tài của bài thuyết trình.		
Nghe ý chính và ghi tóm tắt	Xác định được đầy đủ các ý chính của bài thuyết trình.		
	Trình bày tóm tắt các ý chính dưới dạng từ khoá, sơ đồ, kí hiệu.		
	Trình bày các ý chính một cách rõ ràng, mạch lạc.		
	Hỏi lại những thông tin chưa hiểu rõ trong khi nghe.		

Bước 4. Đánh giá kết luận

- Nhận xét về phần tóm tắt của hs theo bảng kiểm.
- Có thể cho điểm nếu cần.
- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập dưới dạng trò chơi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ:**

- GV trình chiếu hệ thống câu hỏi, yêu cầu hs trả lời

Câu 1: Hoạt động Nói và nghe trải qua mấy bước?

- A. 3 bước: chuẩn bị trước khi nghe, nghe và ghi chép, đọc lại và chỉnh sửa
- B. 3 bước: nghe, ghi tóm tắt và trao đổi.
- C. 2 bước: chuẩn bị trước khi nghe và thực hành nói nghe
- D. 2 bước: lắng nghe và ghi tóm tắt.

Câu 2: Điều không phải là những lưu ý khi nghe?

- A. Tập trung lắng nghe nội dung, chú ý vào ý chính của bài nói.
- B. Chú ý vào trang phục, đạo cụ, cử chỉ, hành động của người nói.
- C. Chú ý phần mở đầu và kết thúc; những từ khoá, các phần được lặp đi lặp lại trong bài.
- D. Chú ý tốc độ nói; các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: sơ đồ, hình ảnh...

Câu 3: Khi ghi chép, cần chú ý điều gì?

- A. Ghi ngắn gọn bằng ngôn từ của mình, dưới dạng cụm từ, từ khoá; sử dụng các kí hiệu; ghi theo kiểu sơ đồ.
- B. Chú ý ghi theo kiểu sơ đồ, trang trí cho sơ đồ ấn tượng để dễ nhớ.
- C. Cố gắng ghi nhanh và chi tiết nội dung mà người nói đã trình bày bằng ngôn từ của mình.
- D. Chỉ lựa chọn chi tiết, sự việc quan trọng nhất để ghi lại.

Câu 4: Vì sao sau khi ghi chép nội dung cần tóm tắt lại phải đọc lại và chỉnh sửa?

- A. Để dễ trao đổi với người nói về nội dung muốn trao đổi.
- B. Để làm cho bài tóm tắt được hoàn chỉnh và đầy đủ hơn.
- C. Để khắc phục việc ghi chép thiếu và chưa chính xác.
- D. Để dễ trao đổi với những người nghe khác về nội dung muốn trao đổi.

Câu 5: Khi trao đổi với người nói, em nên có thái độ như thế nào?

- A. Thái độ nghiêm túc để người nghe có thể thấy được vấn đề cần chỉnh sửa.
- B. Thái độ thẳng thắn, nghiêm túc, không nên nể nang.
- C. Thái độ nhẹ nhàng, không nên chê mà chỉ khen bạn.

D. Thái độ nhẹ nhàng, góp ý chân thành, có tinh thần học hỏi, không nên soi mói.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs suy nghĩ các câu hỏi.

*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Gọi học sinh trả lời.

*** Đánh giá kết luận:** Gv nhận xét tinh thần và thái độ học tập của Hs.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: vận dụng nội dung đã học để tiếp tục hoàn thành bài tập.

b. Nội dung

- Hs tiếp tục hoàn thành bài tóm tắt, trao đổi để chỉnh sửa với nhau.

c. Sản phẩm học tập: bài tóm tắt hoàn chỉnh của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

*** Giao nhiệm vụ:**

- Yêu cầu học sinh tiếp tục hoàn thành bài tóm tắt của mình ở nhà.

- Tiếp tục trao đổi trong nhóm với nhau về bài tóm tắt của mình, chỉnh sửa cho hoàn chỉnh.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Hs tiếp tục trao đổi, tóm tắt ở nhà.

*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** nhờ chính tác giả trình bày bài thuyết trình nhận xét bài tóm tắt.

*** Đánh giá kết luận:** Gv đánh giá tinh thần và ý thức học tập của học sinh.

TUẦN:

Ngày soạn: / ... / 202...

Ngày dạy: / ... / 202...

Tiết.... :
ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực:

1.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

1.2. Năng lực đặc thù

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Nắm bắt nội dung các văn bản đã học.

- Năng lực văn học:

+ Nhận biết được đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt đường luật.

+ Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

+ Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ và câu hỏi tu từ.

+ Nhận biết được cách dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả 2 yếu tố ấy trong bài văn kể lại một hoạt động xã hội .

+ Tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

2. Phẩm chất:

- Nhân ái: Yêu quê hương, đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với công việc chung.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

a. Mục tiêu:

- HS tự hệ thống lại kiến thức của chủ đề 6.
- Chủ động ôn tập, tự học.

b. Nội dung: HS đọc lại các văn bản, kiến thức trong chủ đề và hoàn thành phiếu học tập, câu hỏi trong SGK/ 43.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập, câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giao nhiệm vụ học tập:**

Nhiệm vụ 1: GV phát phiếu học tập cho HS

1. Phần Đọc

- Hoàn thành PHT sau:

Phiếu học tập số 1:

Thơ tứ tuyệt		Thơ thất ngôn bát cú	
Bố cục	Chức năng	Bố cục	Chức năng
Câu 1 (Khai)			
Câu 2 (Thừa)			
Câu 3 (Chuyển)			
Câu 4 (Hợp)			

Phiếu học tập số 2

Văn bản	Từ ngữ, hình ảnh	Mạch cảm xúc	Cảm hứng chủ đạo
Nam quốc sơn hà			
Qua Đèo Ngang			
Chạy giặc			

- Trả lời câu hỏi 3 trong SGK

2. Phần Tiếng Việt: Trả lời câu hỏi 4, 5 SGK

3. Phần Viết, Nói và nghe: Trả lời các câu hỏi theo yêu cầu trong SGK

- **Thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS hoàn thành các câu hỏi, PHT ở nhà theo yêu cầu.

- **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** HS nộp bài và báo cáo GV.

- **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Mức độ hoàn thành phiếu học tập của HS:

+ Đạt: từ 80% nội dung bài học trở lên.

+ Chưa đạt: dưới 80% nội dung bài học. GV yêu cầu HS bổ sung

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu

- Tạo hứng thú cho học sinh đầu tiết học.
- Hệ thống một số kiến thức cơ bản trong chủ đề.

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng trò chơi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

* **Giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức trả lời câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng trò chơi theo hình thức cá nhân.
- GV hướng dẫn cách chơi cho hs, trình chiếu câu hỏi trên màn hình.
- Yêu cầu học sinh suy nghĩ và trả lời, mỗi câu suy nghĩ trong 15s.

B 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- Hs trả lời các câu hỏi.
- GV quan sát, gợi mở

B 3: Báo cáo

- Gv tổ chức hoạt động: gọi hs trả lời các câu hỏi.
- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

B 4: Đánh giá, nhận xét

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

Câu 1: Bài thơ thất ngôn bát cú có:

- A. Mỗi bài có 8 câu, mỗi câu có 8 chữ
- B. Mỗi bài có 8 câu, mỗi câu có bảy chữ**
- C. Mỗi bài có 7 câu, mỗi câu có 8 chữ
- D. Mỗi bài có 7 câu, mỗi câu có 7 chữ

Câu 2: Thi luật của bài thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường có:

- A. bố cục, luật, niêm
- B. bố cục, vần, luật, niêm
- C. bố cục, niêm, đối, vần
- D. bố cục, luật, niêm, vần, đối**

Câu 3: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong 2 câu thơ sau:

*“Lom khom dưới núi, tiều vài chú
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà”*

(Qua Đèo Ngang - Bà Huyện Thanh Quan)

- A. Câu hỏi tu từ
- B. Đảo ngữ**
- C. Nhân hóa
- D. So sánh

Câu 4: Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội sử dụng ngôi thứ mấy để kể?

- A. Ngôi thứ nhất hoặc thứ 3
- B. Ngôi thứ 3
- C. Ngôi thứ 2
- D. Ngôi thứ nhất**

Câu 5: Phần mở của bài văn kể lại một hoạt động xã hội cần đáp ứng yêu cầu gì?

- A. Giới thiệu một hoạt động xã hội đã tham gia
- B. Giới thiệu một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc**
- C. Giới thiệu một hoạt động xã hội được chứng kiến
- D. Giới thiệu hoàn cảnh diễn ra hoạt động xã hội

Câu 6: Tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác gồm mấy phần?

- A. 5 phần
- B. 4 phần
- C. 3 phần**
- D. 2 phần

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ câu hỏi.

* **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Trả lời câu hỏi cá nhân.

* **Đánh giá kết luận:** GV nhận xét, đánh giá tinh thần học tập của cả lớp.

HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP

1. Ôn tập phần Đọc

a. Mục tiêu

a. Mục tiêu

- Nhận biết được đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường qua các văn bản đã học.
- Ôn tập được đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường.

b. Nội dung

- Hs làm bài tập 1,2,3 theo bảng so sánh và câu hỏi trong SGK.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời, phiếu học tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

B1. Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1:

- Yêu cầu hs đọc bài tập 1, 2 làm việc nhóm và hoàn thiện bảng so sánh theo mẫu

Gợi ý Phiếu học tập số 1

Thơ tứ tuyệt		Thơ thất ngôn bát cú	
Bố cục	Chức năng	Bố cục ¹	Chức năng
Câu 1 (Khai)	Khai mở ý của bài thơ	Câu 1, câu 2 (Đế)	Mở đầu và bắt đầu phát triển ý của bài thơ
Câu 2 (Thừa)	Thường làm rõ thêm ý và mạch cảm xúc của phần khai	Câu 3, câu 4 (Thực)	Triển khai ý của đề tài, miêu tả cụ thể về tình cảnh, sự việc
Câu 3 (Chuyển)	Chuyển ý	Câu 5, câu 6 (Luận)	Bàn bạc rộng hơn từ ý nghĩa vốn có, hoặc đi sâu hơn vào tâm trạng, cảm xúc con người
Câu 4 (Hợp)	Kết ý	Câu 7, câu 8 (Kết)	Tóm nghĩa cả bài và kết ý

Phiếu học tập số 2

Văn bản	Từ ngữ, hình ảnh	Mạch cảm xúc	Cảm hứng chủ đạo
Nam quốc sơn hà	Nam quốc, Nam đế, tiết nhiên, thiên thư, nghịch lỗ,...	Mạch cảm xúc trong bài thơ Nam quốc sơn hà đi từ niềm tự hào dân tộc đến quyết tâm chiến thắng giặc ngoại xâm.	Tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm thể hiện qua việc khẳng định chủ quyền và quyết tâm bảo vệ lãnh thổ.
Qua Đèo Ngang	Lom khom, lác đác, đau lòng, môi miệng, tình riêng,...	Mạch cảm xúc trong bài thơ Qua Đèo Ngang có sự vận động từ nỗi buồn giữa không gian hoang vắng đến tâm trạng nhớ nhà, nhớ nước, cô đơn, lẻ loi.	Nỗi buồn, nỗi cô đơn, lẻ loi của nhà thơ khi đứng trước khung cảnh hoang vắng, cô liêu của Đèo Ngang, chạnh lòng nhớ nhà, nhớ nước của một thời quá vãng.
Chạy giặc	Lơ xơ, dáo dác, tan bọt nước, nhuộm màu mây,...	Mạch cảm xúc trong bài thơ Chạy giặc có sự vận động từ sự bàng hoàng, thảng thốt khi nghe tiếng súng giặc và chứng kiến cảnh loạn lạc sang cảm xúc suy tư sâu lắng về vận mệnh dân tộc.	Sự đau đớn, xót thương cho cảnh chạy giặc của người dân và lòng mong mỏi những người có trách nhiệm đứng ra gánh vác trọng trách với nước nhà.

Nhiệm vụ 2:

- Yêu cầu hs đọc bài tập 3, SGK/16, làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập

Định hướng trả lời

Bố cục 2 phần:

- Câu 1 – 2 tả khung cảnh thiên nhiên thơ mộng
- Câu 3 – 4 khắc họa hình ảnh con người ưu tú vì dân vì nước
- Niêm: chữ thứ hai của câu 1 là “trắc” niêm với chữ thứ hai của câu 4 cũng là “trắc”, chữ thứ hai của câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ hai của câu 3 cũng là “bằng”
- Luật: Đây là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật trắc vần bằng theo luật Đường

- Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1,2 và 4 (xa-hoa-nhà)
- Nhịp: cách ngắt nhịp 3/4 ở câu đầu “Tiếng suối trong/ như tiếng hát xa” và nhịp 4/3 hoặc 2/2/3 ở các câu sau. Sự chuyển nhịp này góp phần tạo nét sinh động, duyên dáng cho bài thơ
- Đối: Thơ tứ tuyệt không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thất ngôn bát cú

B 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- HS làm việc nhóm, trao đổi với bạn cùng bàn, làm việc nhóm để hoàn thành 2 bài tập.
- Hs trả lời các câu hỏi.
- GV quan sát, gợi mở

B 3: Báo cáo

- Gv tổ chức hoạt động: gọi hs đại diện nhóm trả lời các câu hỏi và phiếu HT.
- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

B 4: Đánh giá, nhận xét

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

2. Ôn tập phần Tiếng Việt

a. Mục tiêu

- Nhận biết được biện pháp tu từ đảo ngữ và tác dụng của đảo ngữ trong câu.
- Nhận biết được câu hỏi tu từ và hiệu quả sử dụng của nó trong đoạn thơ

b. Nội dung: Hs làm bài tập 4,5 trong SGK.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

B1. Giao nhiệm vụ

*** Nhiệm vụ 1:** Gv yêu cầu hs đọc bài 4 trong SGK và trả lời câu hỏi.

Hai câu thơ của Hồ Xuân Hương xuất hiện đảo ngữ ở cả trong cụm từ và trong câu thơ. Ở cấp độ cụm từ, tác giả đã đảo vị trí của từ “rêu” lên trước “tùng đám” và đảo từ “đá” lên trước “mấy hòn” (cách diễn đạt thông thường là “tùng đám rêu”, “mấy hòn đá”). Ở cấp độ câu, tác giả đã đảo vị trí của vị ngữ (“xiên ngang mặt đất”, “đâm toạc chân mây”) lên trước chủ ngữ (“rêu” và “đá”). Cách diễn đạt thông thường trong trường hợp này là: Tùng đám rêu xiên ngang mặt đất/ Mấy hòn đá đâm toạc chân mây. Việc thay đổi vị trí này có tác dụng nhấn mạnh hình ảnh sự vật, làm cho cách diễn đạt thêm gợi cảm và giàu âm hưởng.

*** Nhiệm vụ 2:** Gv yêu cầu hs đọc bài 5 trong SGK và trả lời câu hỏi.

Câu hỏi trong đoạn thơ chính là câu hỏi tu từ, vì câu hỏi này không được dùng để hỏi, để tìm kiếm câu trả lời, mà để nhấn mạnh cảm xúc bồi hồi nhớ thương, tiếc nuối những hình ảnh đẹp của những con người đã qua, không còn gặp lại.

B 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- Hs trả lời các câu hỏi.
- GV quan sát, gợi mở

B 3: Báo cáo

- Gv tổ chức hoạt động: gọi hs trả lời các câu hỏi.
- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

B 4: Đánh giá, nhận xét

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

3. Ôn tập phần Viết, Nói-nghe

a. Mục tiêu

- Rút ra được bài học khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng.
- Nêu được ít nhất 2 kinh nghiệm về cách nghe và tóm tắt bài thuyết trình do người khác trình bày.

- b. Nội dung:** Hs làm bài tập 6,7 trong SGK.
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.
d. Tổ chức thực hiện
B1. Giao nhiệm vụ

Hoạt động của Gv - Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Giao nhiệm vụ - Gv yêu cầu học sinh đọc bài tập 6, 7 SGK/16 và trao đổi cặp đôi: + Rút ra bài học gì khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng? + Nêu ít nhất 2 kinh nghiệm về cách nghe và tóm tắt bài thuyết trình do người khác trình bày. B 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi cặp đôi. - GV quan sát, gợi mở B 3: Báo cáo - Gv gọi hs trả lời các câu hỏi. - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. B 4: Đánh giá, nhận xét: GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	* Bài 6: Bài học khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng: - Chọn 1 hoạt động XH phải thú vị và có ý nghĩa tích cực với cộng đồng. - Sử dụng ngôi thứ nhất. - Kết hợp miêu tả và biểu cảm để hỗ trợ cho việc kể. - Bố cục gồm 3 phần: MB, TB, KB * Bài 7: Kinh nghiệm về cách nghe và tóm tắt bài thuyết trình do người khác trình bày: - Bài tóm tắt đảm bảo thể hiện đầy đủ, chính xác phần trình bày của người nói. - Ghi được ngắn gọn các thông tin chính mà người khác trình bày bằng từ khoá, sơ đồ. - Các ý được tóm tắt rõ ràng, mạch lạc.

4. Ý nghĩa của chủ đề

a. Mục tiêu

- Biết được tình yêu Tổ quốc có ý nghĩa vô cùng thiêng liêng và cao quý trong mỗi người dân của đất nước .
- Trả lời được câu hỏi lớn của chủ đề.

b. Nội dung: Hs làm bài tập 8 trong SGK.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

B1. Giao nhiệm vụ

- Gv yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi lớn cho chủ đề bằng cách làm BT số 8.

Gợi ý

Yêu Tổ quốc là yêu nguồn cội của mình; yêu mảnh đất, con người, lịch sử, văn hóa đã sản sinh, nuôi dưỡng mình và đồng bào mình. Yêu Tổ quốc là đấu tranh cho những điều tốt đẹp được gìn giữ và sinh sôi, loại bỏ những cái xấu đang kìm hãm đất nước phát triển.

B 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ quan điểm của cá nhân.

B 3: Báo cáo

- Gv gọi hs chia sẻ quan điểm về câu hỏi.

B 4: Đánh giá, nhận xét: GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

- Từ chủ đề đã học, học sinh vận dụng để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

b. Nội dung

- Hs tham gia một hoạt động cộng đồng có ích cho nhà trường hoặc địa phương nơi sinh sống thể hiện ý thức trách nhiệm và tình yêu đối với quê hương.

c. Sản phẩm học tập: những hình ảnh tham gia hoạt động cộng đồng có ích.

d. Tổ chức thực hiện

B1. Giao nhiệm vụ

- Em hãy tham gia một hoạt động cộng đồng có ích ở nhà trường hay địa phương.
- Sản phẩm là ảnh/ clip về hoạt động em đã tham gia.
- Nộp sản phẩm vào tiết học sau.

B 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

B 3: Báo cáo: HS trưng bày sản phẩm vào tiết sau hoặc nộp bài cho GV qua zalo lớp học.

B 4: Đánh giá, nhận xét: GV nhận xét tinh thần học tập của hs